TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 115/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Ngô Thị Kim Khánh.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Hiển - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 666/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 121/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Đắc M, sinh năm 1961; Địa chỉ: 5A Hậu Giang, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Vũ Thị Thu M1, sinh năm 1965; Địa chỉ: 1805/3 Olympic BVD Sydney Olympic Park NSW 2127, Australia.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên họp)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu ngày 13 tháng 10 năm 2022 và các bản tự khai, người yêu cầu ông Lê Đắc M và bà Vũ Thị Thu M1 trình bày:

Bà Vũ Thị Thu M1 và ông Lê Đắc M tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/1987 quyển số 01/P17 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/1987. Sau khi kết hôn hai vợ chồng hai vợ chồng sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai ông bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không đạt được kết quả. Đến năm 2020, bà Vũ Thị Thu M1 quyết định sang Australia sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai ông bà cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để mỗi người có điều kiện ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Vũ Thị Thu M1 và ông Lê Đắc M đều khai có 03 con chung là Lê Vũ Minh H, sinh năm 1988; Lê Minh T, sinh năm 1990 và Lê Tấn S, sinh năm 1996. Cả 03 con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Cả hai đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cả hai đều xác định không có.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, ông Lê Đắc M có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp của Tòa án, do ông bận công việc, khó sắp xếp theo lịch triệu tập của Tòa án.

Ngày 13 tháng 10 năm 2022, bà Vũ Thị Thu M1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt đã được Tổng lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Sydney, Australia xác nhận ngày 13/10/2022.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết việc dân sự theo trình tự sơ thẩm như sau: Thẩm phán, các đương sự trong việc dân sự đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; loại việc dân sự đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; việc dân sự có yếu tố nước ngoài, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về đường lối giải quyết việc dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu, công nhận ông Lê Đắc M và bà Vũ Thị Thu M1 thuận tình ly hôn; con chung: đã trưởng thành; tài sản chung: tự thỏa thuận; nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Lê Đắc M và bà Vũ Thị Thu M1, thì người yêu cầu trong việc dân sự là bà Vũ Thị Thu M1 hiện đang cư trú tại 1805/3 Olympic BVD Sydney Olympic Park NSW 2127, Australia. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là việc dân sự về "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên họp sơ thẩm, những người yêu cầu đã có đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt đối với các đương sự.

Do các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên vụ việc không hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 47/1987 quyển số 01/P17 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/1987 có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Đắc M và bà Vũ Thị Thu M1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Tại bản tự khai của bà Vũ Thị Thu M1 và ông Lê Đắc M cùng trình bày giữa hai người có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sự tin tưởng lẫn nhau không còn. Nay mỗi người sống mỗi nơi, không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn, bà Vũ Thị Thu M1 và ông Lê Đắc M đều muốn ly hôn. Việc các đương sự cùng yêu cầu ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân Gia đình, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp, nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Vũ Thị Thu M1 và ông Lê Đắc M đều khai có 03 con chung gồm: Lê Vũ Minh H, sinh năm 1988; Lê Minh T, sinh năm 1990 và Lê Tấn S, sinh năm 1996. Cả 03 con chung đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Vũ Thị Thu M1 và ông Lê Đắc M cùng trình bày hai người tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Nợ chung: Không có.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Vũ Thị Thu M1 và ông Lê Đắc M không thỏa thuận người có nghĩa vụ chịu lệ phí Tòa án nên mỗi người phải chịu 50% mức lệ phí Tòa án là 150.000 đồng theo quy định tại Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, các Điều 367, 371, 396 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 19, 55, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu bà Vũ Thị Thu M1 và ông Lê Đắc M:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị Thu M1 và ông Lê Đắc M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47/1987 quyển số 01/P17 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/1987 cho bà Vũ Thị Thu M1 và ông Lê Đắc M không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Vũ Thị Thu M1 và ông Lê Đắc M mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2021/0003720 ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã thi hành xong lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Ngô Thị Kim Khánh